TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1206/2020/QĐST - HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 28 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1871/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Người yêu cầu: Ông Vũ Mạnh Đ, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ 21, khu phố 5A, phường TD, thành phố BH, tỉnh ĐN.

- Người yêu cầu: Bà Tạ Thị H, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ 21, khu phố 5A, phường TD, thành phố BH, tỉnh ĐN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Mạnh Đ và bà Tạ Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Vũ Mạnh Đ và bà Tạ Thị H thỏa thuận thống nhất giao con chung tên Vũ Minh N, sinh ngày 24/5/2014 cho ông Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Vũ Minh N đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 01/9/2020.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Ông Vũ Mạnh Đ và bà Tạ Thị H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* lệ phí thuận tình ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0006536 ngày 13/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THA dân sự thành phố Biên Hòa;
- UBND phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa (Giấy CNKH số 52/2013, ngày 14/3/2013);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Phạm Tuân